UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÂY QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO CÔNG KHAI LẤY Ý KIẾN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DỰ ÁN: NÂNG CẤP MỞ RỘNG TỈNH LỘ 671 ĐOẠN TỪ KM49+500-KM52 (GIAO ĐƯỜNG HỒ CHI MINH)

(Kèm theo thông báo số: 180 /TB-BQLDA, ngày 16 / 10 /2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi)

(Để các hộ ảnh hưởng trong phạm vi dự án kiểm tra đối chiếu với tài sản bị ảnh hưởng, các quy định về đơn giá, chính sách hỗ trợ để có ý kiến trước khi an Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi trình Uỷ ban nhân dân phường ĐăkBla phê duyệt chính thức)

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
1	**Đào văn Đức: CCCD: 001070047342 - Nguyễn Thị Tâm (vợ) CCCD: 062173001794**	**Thôn Pleiro hai - 2 phường ĐakBla**				**309,219,023**
	- Tổng diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất số 665 tờ 10: 52,2 m2 - Trích đo thu hồi đất ngày 05/11/2025 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 26/11/2025 do Đơn vị đo đạc cung cấp. Tổng diện tích thửa đất 429,4 m2. Diện tích thu hồi 52,2m2 *(diện tích bị ảnh hưởng trong giấy chứng nhận 8,2m2, diện tích ngoài GCN 44,0 m2)* . Diện tích còn lại 377,2 m2 - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 537911 số vào sổ cấp GCN H00364 do UBND thị xã cấp ngày 15/8/2007 *(Tổng diện tích: 350 m2 trong đó diện tích đất ở 200m2, diện tích đất HNK 150,2 m2)* + **Về nguồn gốc sử dụng đất:** Theo Văn bản số 894/BC-UBND ngày 19/12/2024 của UBND phường Lê Lợi (cũ) và Văn bản số 340/BC-UBND ngày 30/3/2026 của UBND phường ĐăkBla xác nhận: Ông Đào Văn Đức và bà Nguyễn Thị Tâm đang sử dụng lô đất có nguồn gốc: Trước đây là của bà Luk khai hoang sử dụng, bà Luk sử dụng một thời gian thì sang nhượng cho ông Đào Văn Đức và bà Nguyễn Thị Tâm sử dụng. Ông Đức và bà Tâm sử dụng đến năm 2007 thì được UBND thị xã Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số H00364 ngày 15/8/2007, phần diện tích đất ngoài Giấy CNQSD đất không phải là đất công do UBND phường quản lý. Từ đó đến nay ông Đào Văn Đức và bà Nguyễn Thị Tâm sử dụng phần đất này ổn định vào mục đích đất trồng cây hàng năm khác không. Không tranh chấp với ai tranh chấp với ai - Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 - Căn cứ Công văn số 669/UBND-KTHTĐT ngày 03/11/2025 của UBND phường Đăk Bla Về việc cung cấp thông tin về xử phạt hành chính, cam kết tự tháo dỡ đối với các hộ dân cơi nới, xây dựng, trồng cây cối hoa màu sau khi đã có thông báo chủ trương thu hồi đất đối với dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh): thì không có hành vi về xử phạt hành chính, hay cam kết tự tháo dỡ đối với các hộ dân cơi nới, xây dựng, trồng cây cối hoa màu sau khi đã có thông báo chủ trương thu hồi đất đối với dự án. - Căn cứ Đơn cam kết của hộ gia đình: Thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc: 1993. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng					
	- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi (thửa số 665, tờ bản đồ số 10)	m2	52.20			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi (thửa số 665, tờ bản đồ số 10)	*m2*	*8.20*	*6,766,900*	*100%*	*55,488,580*
	+Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi (thửa số 665, tờ bản đồ số 10) (phần diện tích ảnh hưởng ngoài GCN)	*m2*	*44.00*	*73,900*	*100%*	*3,251,600*

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Mái tôn, khung sắt *(STT 01, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	5.2	432,000	100%	2,229,120
	- Cánh cổng kết cấu khung bằng thép, thanh thép hộp lớn 3*6, sơn chống gỉ (STT 07, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	7.6	669,000	100%	5,077,710
	- Trụ cổng lõi BTCT kết hợp xây gạch lăn sơn, ốp đá 1 mặt, 2 trụ (STT 17, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)					
	+ Trụ cổng lõi BTCT kết hợp xây gạch lăn sơn, (STT 17, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m3	1.0	3,014,000	100%	2,867,158
	+ Phần ốp đá 1 mặt (0,44m*2,3m) * 2 trụ	m2	2.0	250,000	100%	506,000
	- Hàng rào khung sắt,thanh thép hộp 3*6, sơn chống gỉ (STT 23, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	3.8	621,000	100%	2,329,371
	- Tường rào xây gạch trát vữa xi măng, lăn sơn *(STT 21, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	1.0	752,000	100%	782,080
	- Sân bê tông lót đá 1*2 đầm đá 4*6 dày 20cm, láng vữa xi măng (STT 53, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	13.9	309,000	100%	4,307,151
	- Ống nước fi 114mm (Hộ gia đình tự khê khai) (STT 64 , thông báo số 221/TB-SXD, ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	12.0	108,000	100%	1,296,000
	- Ống nước fi 34mm (Hộ gia đình tự khê khai) (STT 200, thông báo số 221/TB-SXD, ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	12.0	13,900	100%	166,800
	- Cống BTCT fi 30mm(Hộ gia đình tự khê khai) STT 64, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (Bổ sung độ sâu chôn cống	md	5.3	402,000	100%	2,130,600
	- Sân bê tông lót đá 1*2 đầm đá 4*6 dày 20cm, láng vữa xi măng (STT 54, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)					
	+ Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp:	*m2*	*6.8*	*309,000*	*100%*	*766,320*
	+ Phạm vi ảnh hưởng liền kề: Vì kết cấu đồng nhất, khi tháo dỡ 1 phần sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại nên Trung tâm lập phương án bồi thường	*m2*	*2.5*	*309,000*	*100%*	*766,320*
	- Nhà ở 1 tầng tường xây gạch chịu lực lăn sơn, tường dày 15cm mái lợp tôn, điện nước nổi, nhà vệ sinh ngoài, cửa đi bằng sắt kéo, cửa sổ bằng gỗ nền lát gạch men 400*400 *(STT I, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2				-
	+ Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp:	*m2*				
	++ Trần tôn, cao trần 3,2m(=3769000- 312000+219000-50000 điện-132000 nhà vệ sinh -216000 cửa-(0,7*18000)/0.1cao trần	m2	17.2	3,152,000	100%	37,001,328
	++ Trần nhựa, cao trần 3,55m =3769000-312000+219000-50000-132000-216000-(0.35*18000)/0.1cao trần	m2	16.2	3,215,000	100%	148,533,000

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	+ Phạm vi ảnh hưởng liền kề trần nhựa cao, cao trần 3,55m	*m2*	*11.7*	*3,215,000*	*100%*	*37,740,885*
	- Tôn ốp tường nhà	m2	46.2	70,000	100%	3,234,000
	- Chậu cảnh đk 60cm (cây có tính chất cảnh)	Chậu	3.0	120,000	*100%*	360,000
	- Sanh đk 1cm trồng 4 năm	Cây	2.0	45,000	*100%*	90,000
	- Sanh trồng 7 năm	Cây	1.0	45,000	*100%*	45,000
	- Sanh bon sai đk 40cm (cây có tính chất cảnh)	Cây	1.0	250,000	*100%*	250,000
2	**Trịnh Huy Hiến** *(CCCD số: 038071021654)* **- Phạm Thị Hoa (vợ)** *CCCD: 052178010817*	**Thôn Pleiơ hai - 2 phường ĐakBla**				**477,088,164**
	- Tổng diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất số 234 tờ 10: 42,9 m2 - Trích đo thu hồi đất ngày 05/11/2025 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 05/12/2025 do Đơn vị đo đạc cung cấp. Tổng diện tích thửa đất 385,9 m2. Diện tích thu hồi 42,9m2. Diện tích còn lại 343 m2 - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 00322 UBND thị xã cấp ngày 08/9/2004 (Tổng diện tích: 346 m2 trong đó diện tích đất ở 346m2, diện tích đất HNK 0 m2) + Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo Văn bản số 813/UBND ngày 26/11/2025 của UBND phường ĐăkBla xác nhận: thửa đất số: 324 tờ bản đồ số 10: Thửa đất này trước đây của ông KSorJun sử dụng. Đến năm 1993 chuyển nhượng cho ông Phạm Đình Thương sử dụng. Đến năm 1995 tặng cho lại ông Trịnh Huy Hiến và bà Phạm Thị Hoa. Cấp GCNQSDĐ năm 2004, Từ đó đến nay sử dụng ổn định, không tranh chấp - Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 - Căn cứ Công văn số 669/UBND-KTHTĐT ngày 03/11/2025 của UBND phường Đăk Bla Về việc cung cấp thông tin về xử phạt hành chính, cam kết tự tháo dỡ đối với các hộ dân cơi nới, xây dựng, trồng cây cối hoa màu sau khi đã có thông báo chủ trương thu hồi đất đối với dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh): thì không có hành vi về xử phạt hành chính, hay cam kết tự tháo dỡ đối với các hộ dân cơi nới, xây dựng, trồng cây cối hoa màu sau khi đã có thông báo chủ trương thu hồi đất đối với dự án. - Căn cứ Đơn cam kết của hộ gia đình: Thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc: 1996. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:					
	- Tổng diện tích thu hồi	m2	42.90			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi (thửa số 324, tờ bản đồ số 10) (theo đơn đề nghị ngày 14/10/2026 của hộ gia đình)	m2	42.90	6,766,900	100%	290,300,010
	- Trụ cổng lõi BTCT kết hợp xây gạch trát vữa xi măng, ốp đá 04 mặt (STT 17, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)					-
	+ Trụ cổng lõi BTCT kết hợp xây gạch	m3	0.6	3,014,000	100%	1,691,975
	+ Phần diện tích ốp đá 04 mặt	m2	5.4	250,000	100%	1,352,900
	- Cánh cổng khung thép, thanh thép 1*3, sơn chống gỉ (STT 8 , Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	3.1	535,000	100%	1,637,100

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Hàng rào khung thép V3 lưới B40 (STT 29, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) =262000+30000	m2	3.2	292,000	100%	946,080
	- Tường rào xây gạch trát vữa xi măng, ốp gạch men					-
	+ Tường rào xây gạch trát vữa xi măng *(STT 21, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) =(752000-219000 sơn nước)*	m2	0.9	533,000	100%	503,685
	+ Phần diện tích ốp gạch men	m2	0.9	250,000	100%	236,250
	- Sân bê tông lót đá 4*6, đầm đá 1*2 dày 10 cm *(STT 53, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	25.5	244,000	100%	6,217,120
	- Mái tôn, khung sắt, trụ sắt *(STT 01, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	25.5	432,000	100%	11,007,360
	- Nhà ở 1 tầng: Tường xây gạch chịu lực bả ma tít lăn sơn, mái ngói, tường dày 15cm, nền gạch hoa xi măng 200*200 điện nước nổi, nhà vệ sinh ngoài cửa đi, cửa sổ bằng sắt + kính					-
	+ Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp:					-
	+ + Phần nhà có sảnh BTCT (STT 3, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum), trần nhà cao 3m(=4355000-50000 điện nổi-132000 vệ sinh ngoài -216000 cửa -(18000*9)) cao trần 3m	m2	5.2	3,795,000	100%	19,673,280
	++ Phần diện tích phòng khách có trần cao 3,4m, trần nhựa sili (STT 2 , Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) =3938000-50000 nước -132000 nhà vệ sinh -216000 cửa -(5*18000)cao trần)	m2	6.8	3,450,000	100%	23,473,800
	+ Phạm vi ảnh hưởng liền kề: Vì kết cấu đồng nhất, khi tháo dỡ 1 phần sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại nên Trung tâm lập phương án bồi thường					-
	++ Phần diện tích phòng khách có trần cao 3,4m, trần nhựa sili (STT 2 , Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) =3938000-50000 nước -132000 nhà vệ sinh -216000 cửa -(5*18000)cao trần)	m2	11.3	3,450,000	100%	39,123,000
	++ Phần diện tích phòng khách có trần cao 2,7m, trần gỗ =3938000-50000 điện -132000 nhà vệ sinh-216000 cửa sắt-(12*18000) cao trần-122000 trần nhựa +690000 trần gỗ	m2	15.3	3,892,000	100%	59,687,712
	- Sảnh sê nô bê tông cốt thép *(Vận dụng STT 16, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	2.8	1,006,000	100%	2,788,632
	- Bậc tam cấp xây gạch trát vữa xi măng *(STT 58 , Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m3	0.5	1,756,000	100%	948,240
	- Mái tôn, khung sắt *(STT 01, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*					-
	+ Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp:	m2	2.8	432,000	100%	1,188,000
	+ Phạm vi ảnh hưởng liền kề: Vì kết cấu đồng nhất, khi tháo dỡ 1 phần sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại nên Trung tâm lập phương án bồi thường	m2	7.3	432,000	100%	3,136,320
	- Hàng rào lưới B40, trụ sắt					-

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	+ Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp:	m2	10.4	30,000	100%	310,500
	+ Phạm vi ảnh hưởng liền kề: Vì kết cấu đồng nhất, khi tháo dỡ 1 phần sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại nên Trung tâm lập phương án bồi thường	m2	10.1	30,000	100%	301,500
	- Sân bê tông lót đá 4*6, đầm đá 1*2 dày 10 cm,láng vữa xi măng *(STT 53, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	1.6	244,000	100%	378,200
	- Sân nền bát tràng *(Vận dụng STT 56, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	3.1	199,000	100%	616,900
	- Ống nước nhựa fi 90mm dài 16 m (hộ gia đình tự kê khai) (STT 65b, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	16.0	108,000	100%	1,728,000
	- Ống nước nhựa fi 27mm dài 16 m (hộ gia đình tự kê khai) (STT 196, Thông báo số 221/TB-SXD, ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	m2	16.0	12,600	100%	201,600
	- Hầm rút bọng BTCT đk 1m sâu 2m,02 hầm (hộ gia đình tự kê khai) (STT 45,Phụ lục IV)	ms	4.0	1,807,000	100%	7,228,000
	- Dâm bụt (vận dung STT 02,PL II)	Gốc	5.00	10,000	100%	50,000
	- Xoài kinh doanh 1 năm	cây	1.00	780,000	100%	780,000
	- Nhãn Kinh doanh 1 năm	m2	2.00	780,000	100%	1,560,000
	- Bưởi trồng 2 năm (trồng sau thông báo thu hồi đất. Do đó không được bồi thường)	cây	1.00		100%	-
	- Đinh lăng trồng 5 năm	m2	2.00	11,000	100%	22,000
3	**Phạm Thanh Giám (***CCCD số: 046052003370***) - Lê Thị Tư (vợ)** *(CCCD số: 046156007266)*	**Thôn Pleirơhai - 2 phường ĐakBla**				**67,378,682**

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Trích đo thu hồi đất ngày 05/11/2025 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 08/11/2025 do Đơn vị đo đạc cung cấp. Tổng diện tích thửa đất 177 m2. Diện tích thu hồi 17,8 m2.(Diện tích ảnh hưởng trong GCN 0 m2; diện tích ảnh hưởng ngoài GCN: 17,8 m2. Diện tích còn lại 159,2 m2 - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 011857 số vào sổ cấp GCN CH01728 UBND thành phố Kon Tum cấp ngày 19/9/2013 (Tổng diện tích: 151,9 m2 trong đó diện tích đất ở 50m2, diện tích đất HNK 101,9 m2) **+ Về nguồn gốc sử dụng đất:** Theo Văn bản số 643/UBND-KTHT ngày 12/5/2026 của UBND phường ĐăkBla xác nhận: thửa đất số 285 tờ bản đồ số 10: Thửa đất này trước đất đây của người đồng bào DTTS sử dụng. Sau đó chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Thành. Đến tháng 2/2021, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh Bình. Đến 9/2021, chuyển nhượng cho ông Phạm Thanh Giám. Từ đó đến nay, vợ chồng ông Giám sử dụng ổn định, không tranh chấp. Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác - Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 - Căn cứ Công văn số 669/UBND-KTHTĐT ngày 03/11/2025 của UBND phường Đăk Bla Về việc cung cấp thông tin về xử phạt hành chính, cam kết tự tháo dỡ đối với các hộ dân cơi nới, xây dựng, trồng cây cối hoa màu sau khi đã có thông báo chủ trương thu hồi đất đối với dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh): thì không có hành vi về xử phạt hành chính, hay cam kết tự tháo dỡ đối với các hộ dân cơi nới, xây dựng, trồng cây cối hoa màu sau khi đã có thông báo chủ trương thu hồi đất đối với dự án. - Căn cứ Đơn cam kết của hộ gia đình: Thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc: 1998 (nhà, tài sản xây dựng trước khi mua). Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:					
	- Tổng diện tích đất bị thu hồi (thửa số 285, tờ bản đồ số 10)	**m2**	**17.80**			
	- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi (thửa số 285, tờ bản đồ số 10)	*m2*	*17.80*	*73,900*	*100%*	*1,315,420*
	- Trụ cổng lõi BTCT kết hợp xây gạch trát vữa xi măng (Vận dụng STT 17, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m3	0.8	3,014,000	100%	2,262,592
	- Tường rào xây gạch trát vữa xi măng, quét vôi*(STT 21, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) =752000-219000 sơn nước +25000 quét vôi*	m2	1.0	558,000	100%	546,840
	- Hàng rào khung sắt 6*3, lưới B40 (STT 29 , Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (262000+30000 lưới B40)	m2	2.1	292,000	100%	613,200
	- Nền lót đá 4*6 dày 10cm, láng vữa xi măng (STT53, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	9.0	244,000	100%	2,200,880
	- Tường xây gạch không tô *(STT 21, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (752000-120000 không tô-219.000 lăn sơn*	m2	2.8	413,000	100%	1,165,569
	- Mái tôn, khung thép *(STT 01, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	8.6	432,000	100%	3,715,200
	- Nhà ở 1 tầng: mái tôn tường xây gạch chịu lực lăn sơn, nền láng vữa xi măng, tường dày 10cm, điện nước nổi, nhà vệ sinh ngoài, không trần, cao trần 3,7m, cửa đi bằng sắt kéo, cửa sổ bằng gỗ *(STT 01, Phụ Lục I Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (=3769000-190000 nền lát gạch+70000nền xi măng -50000 tường-50000 điện-132000 nhà vệ sinh-36000 cao trần -216000cửa-122000 trần)*	m2				-

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	+ Phạm vi ảnh hưởng trực tiếp:	m2	9.2	3,043,000	70%	19,692,775
	+ Phạm vi ảnh hưởng liền kề: Vì kết cấu đồng nhất, khi tháo dỡ 1 phần sẽ ảnh hưởng đến phần còn lại	m2	16.6	3,043,000	70%	35,263,806
	- Ống nước nhựa fi 27mm (đã kiểm tra))*(STT 196, Thông báo số 221/TB-SXD, ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)*	md	4.0	12,600	100%	50,400
	- Ống nước nhựa fi 90mm (hộ gia đình tự kê khai)*(STT 64, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	md	4.0	108,000	100%	432,000
	- Chậu cảnh đk 60cm (cây có tính chất cảnh)	Chậu	1.0	120,000	*100%*	120,000
4	**Lê Thanh Hải** *(CCCD 062065002729)* **- Tô Nữ Thị Phi Oanh** *(CCCD 062166003448)* .	**Số nhà 75 đường Đồng Nai SĐT 0976420416**				**254,329,044**
	- Diện tích đất thu hồi Thửa đất số 668, tờ bản đồ số 10: 94,1 m2. - Theo trích đo thu hồi đất ngày 05/11/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày ..... do Đơn vị tu vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 988,3 m2. Diện tích đất bị thu hồi 94,1 m2 (trong đó: diện tích ảnh hưởng trong giấy chứng nhận QSD đất 0 m2; diện tích ảnh hưởng ngoài giấy chứng nhận QSD đất 94,1 m2); diện tích còn lại 894,2 m2. - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số phát hành CP 800133 số vào sổ cấp GCN CH04662 Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum (cũ) cấp ngày 31/12/2019 : diện tích 915,6 m2, trong đó đất ở tại đô thị 100 m2, đất trồng cây hàng năm khác 815,6 m2. **- Về nguồn gốc đất:** Theo Báo cáo số 813/UBND -KTHT ngày 26/11/2025 của UBND phường ĐăkBla: Thửa đất này trước đây của ông KSorJun sử dụng. Đến năm 1993 tặng cho bà Nguyễn Thị Lý sử dụng. Đến năm 2019 chuyển nhượng cho ông Lê Thanh Hải và bà Tô Nữ Thị Phi Danh. Từ đó đến nay vợ chồng ông Hải sử dụng ổn định, không tranh chấp **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. - Căn cứ tờ khai của hộ gia đình về thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc vào năm 1994. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau					
	- Tổng diện tích bị thu hồi (thửa đất số 668 tờ bản đồ số 10)	*m2*	*94.10*			
	+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi (phần nằm ngoài GCN)	*m2*	*94.10*	*73,900*	100%	6,953,990
	- Nhà 01 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch kích thước ≤ (500*500)mm, tường bả matit và sơn nước, cửa đi, cửa sổ bằng sắt, nhôm, trần đóng tôn, cao trần 4m, mái lợp tôn, hệ thống điện nước nổi, nhà vệ sinh rời. S=5*8,1m *(Vận dụng đơn giá STT 01, Phụ lục I, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)* (=3.769.000 - 50.000 điện nước đi ngoài tường - 132.000 vệ sinh rời).	m²	40.50	3,587,000	70%	101,691,450

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Mái hiên khung thép, lợp tôn, nền bê tông xi măng dày 10cm. S=4*6,7m *(Vận dụng đơn giá STT 1, phụ lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)* (= 432000 + 244000 nền bê tông)	m²	26.80	676,000	100%	18,116,800
	- Hàng rào Khung thép, bọc tôn S=(2,1*2,9). *(Vận dụng đơn giá STT 28, phụ lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	6.09	345,000	100%	2,101,050
	- Tường xây gạch, không trát vữa xi măng. *(Vận dụng đơn giá STT 21, Phụ Lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)* (= 752000 - 120000 không tô - 219000 Không sơn nước)	m2	0.70	413,000	100%	289,100
	- Sân nền bê tông xi măng, dày 10cm. S=1*6,7m *(Vận dụng đơn giá STT 53, Phụ lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m²	6.70	244,000	100%	1,634,800
	- Trụ cổng xây gạch không trát vữa xi măng. V==(0,4*0,4*2,55)*2 *(Vận dụng đơn giá STT 18, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m3	0.82	1,962,000	100%	1,600,992
	- Cánh cổng kết cấu khung gỗ, lưới B40. S=2,5*2m. *(Vận dụng đơn giá STT 12, Phụ lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)* (=60000 + 30000 lưới B40)	m²	5.00	90,000	100%	450,000
	*+ Phần ốp tôn. S=1,7*2,5m (Vận dụng đơn giá STT 29, PL IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).*	*m²*	*4.25*	*70,000*	*100%*	*297,500*
	- Tường xây gạch, không trát vữa xi măng. S=(0,65*0,6)m*2 *(Vận dụng đơn giá STT 21, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)* (=752000 - 120000 không tô- 219000 Không sơn nước	m2	0.78	413,000	100%	322,140
	*+ Phần ốp gạch trang trí. S=1,2*0,6m(Vận dụng đơn giá STT 19, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).*	*m²*	*0.72*	*250,000*	*100%*	*180,000*
	- Bể nước bọng BTCT nền bê tông xi măng phi (Ø)1m, cao 1m. V=3,14*(0,5*0,5)*1 (Đơn giá STT 38, PL IV)	ms	0.79	1,235,000	100%	969,475
	- Mái hiên khung gỗ, lợp tôn, nền bê tông xi măng dày 10cm. S=5,5*2,05m (STT 4, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)(=377000+244000)	m²	11.28	621,000	100%	7,001,775
	- Tường xây gạch, trát vữa xi măng. S=0,5*1,1m (Vận dụng đơn giá STT 21, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (752000) - Không sơn nước (219000)	m2	0.55	533,000	100%	293,150
	- Hầm rút xây gạch phi 0,5 sâu 0,5 (Kiểm tra trước khi chi trả). V=3,14*(0,25*0,25)*0,5 (Vận dụng đơn giá STT 43, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m3	0.10	299,000	100%	29,339
	- Hầm rút xây gạch phi 0,7 sâu 0,8 (Kiểm tra trước khi chi trả). V=3,14*(0,35*0,35)*0,8 (Vận dụng đơn giá STT 43, (Vận dụng đơn giá STT 41, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m3	0.31	299,000	100%	92,008
	- Ống nước nhựa Φ27 dài 15m (kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 Thông báo số 221/TB-SXD, ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	15.00	12,600	100%	189,000

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Nhà 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch dày 10cm, nền xi măng, tường sơn nước, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, mái lợp ngói, hệ thống hệ thống điện nước âm tường, nhà vệ sinh rời. S= 5,3*6,8m (Vận dụng đơn giá STT 02, Phụ lục I, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (thời điểm kê khai xây dựng năm 2012)	m²	36.04			
	+ Phần diện tích không có trần (Vận dụng đơn giá STT 02, Phụ lục I, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) =3938000-190000 nền lát gạch+70000 nền xi măng-132000 vệ sinh-50000 tường dày-122000 trần -234000 cao trần -312000 bả matit lăn sơn+219000 sơn nước	m²	15.64	3,187,000	70%	34,891,276
	*+ Phần diện tích có trần ván ép, cao trần 2,6m. S=3*6,8m (Vận dụng đơn giá STT 02, Phụ lục I, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)=3938000-190000 nền lát gạch+70000 nền xi măng-50000 điện nổi-132000 vệ sinh-50000 tường dày -234000 cao trần -312000 bả matit lăn sơn+219000 sơn nước*	*m²*	20.40	3,309,000	70%	47,252,520
	- Trụ cổng kết cấu BTCT, kết hợp xây gạch trát vữa xi măng. V=(0,32*0,4*1,95)*2 trụ. (Vận dụng đơn giá STT 17, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m3	0.50	3,014,000	100%	1,504,589
	- Cánh cổng kết cấu bằng khung thép, thanh thép hộp chu vi ≥120 , S=2*2,15m Vận dụng đơn giá STT 7, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m²	4.30	669,000	100%	2,876,700
	- Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch trát vữa xi măng 01 mặt. S=0,5*2,6m (Vận dụng đơn giá STT 20, Phụ Lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) = (1037000 - 219000 sơn nước)	m2	1.30	818,000	100%	1,063,400
	- Hàng rào trụ BTCT kéo lưới B40 (Vận dụng đơn giá STT 25, Phụ Lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	4.62	93,000	100%	429,660
	- Mái hiên khung thép, lợp tôn, nền bê tông xi măng dày 10cm. S=4*6,8m (Vận dụng đơn giá STT 1, Phụ Lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) (=432000+244000 nền bê tông)	m²	27.20	676,000	100%	18,387,200
	- Hàng rào Khung thép, bọc tôn. S=(2,3*3,1) (Vận dụng STT 28 , Phụ Lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	7.13	345,000	100%	2,459,850
	- Hàng rào Khung thép hộp, thép hộp có chu vi <120mm. S=2,6*1,8m (Vận dụng đơn giá STT 1, Phụ Lục IV, Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)	m2	4.68	621,000	100%	2,906,280
	- Cây si 05 năm (Đơn giá STT 57b, Phụ lục I) (Không tính mật độ)	Cây	3.00	45,000	100%	135,000
	- Cây có tính chất cảnh (cây cau) ĐK<10cm (Đơn giá STT 1.b2, Phụ lục II) (Không tính mật độ)	Cây	7.00	30,000	100%	210,000
5	**Trương Công Quyền** *(CCCD: 052075016886)* **- Diệp Thị Thanh Bình** *(CCCD: 062172000748)*	**Số 246 đường Phạm Văn Đồng SĐT 0934758596- 0377382802**				**648,047,053**

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Tổng diện tích thu hồi thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10: 74,4m2 - Theo Trích đo địa chính thu hồi 29/10/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2024 do Đơn vị tư vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 315,2 m2. Diện tích đất bị thu hồi 74,4 m2; diện tích còn lại 240,8 m2 - Thửa đất đã được cấp GCN số U332224, số vào sổ cấp GCN 00009 QSDĐ/01-09/09/QĐ UBTX được UBND thị xã Kon Tum cấp ngày 30/01/2002, Thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10 diện tích 261m2 (Trong đó 100 m2 đất ODT và 161m2 đất vườn). **- Nguồn gốc đất:** Theo Báo cáo số 774/BC-UBND ngày 14/11/2024 của UBND phường Lê Lợi cũ xác định nguồn gốc thửa đất: Ông Trương Công Quyền và bà Diệp Thị Thanh Bình đang sử dụng lô đất có nguồn gốc: Trước đây là của ông Nguyễn Lưu Hà sử dụng và được UBND thị xã Kon Tum cấp Giấy CNQSD số 00142/QSDĐ/KT ngày 13/10/1994. Ông Hà sử dụng đến 17/09/2001 thì sang nhượng cho ông Trương Công Quyền và bà Diệp Thị Thanh Bình sử dụng và được UBND thị xã Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số 33224 ngày 30/01/2002. **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. - Căn cứ tờ khai của hộ gia đình về thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc vào năm 2002. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau	m²				
	- Tổng diện tích thu hồi (thửa đất số 119 tờ bản đồ số 10)	m²	74.40			-
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi *(theo diện tích nhà)*	m²	74.40	6,766,900	100%	503,457,360
	- Nhà 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền xi măng, tường quét vôi lăn sơn, cửa đi bằng sắt kéo, cửa sổ bằng gỗ, không trần, mái lợp tôn, hệ thống điện nước nổi, nhà vệ sinh rời, cao mái 3,8m; S=9,1*4 *(STT 1 mục I =3769000-190000gạch men+70000 nền xi măng -312000 sơn bản matit+219000 sơn nước-216000 cửa sắt-122000 trần tôn-50000 nước nổi-132000 vệ sinh ngoài-((3,9-3,8)/0,1)*18000 cao trần-50000 dày tường*	m²	36.40	2,968,000	100%	108,035,200
	- Nhà vệ sinh kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền xi măng, tường trát vữa xi măng, cửa gỗ, không trần, điện nước nổi, mái lợp tôn, cao mái 2,95m; S=1,45*2,6 *=(3769000-190000+70000-312000-122000-50000-50000-132000-((3,9-2,95)/0,1)*18000)*1,4*	m²	3.77	3,936,800	100%	14,841,736
	- Xí xổm	Bộ	1.00	1,100,000	100%	1,100,000
	- Bậc tam cấp xây gạch trát vữa xi măng: V=1*0,15*0,6 (STT 58, mục IV)	m³	0.18	1,756,000	100%	323,982
	- Sân bê tông dày 20cm S=2,6*2,6+2,15*5,3 (STT 54 Mục IV)	m²	18.16	309,000	100%	5,609,895
	- Cánh cổng kết cấu khung thép, lưới B40, S=1,15*1,9 (STT 10, Mục IV).	m²	2.19	324,000	100%	707,940
	- Lưới B40 bọc trên cổng, S=1,2*1	m²	1.20	30,000	100%	36,000

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Mái tôn khung sắt, nền bê tông dày 20cm; S=1,1*1+1,3*5,3. (STT 1 Mục IV + nền bê tông dày 20cm)	m²	17.89	741,000	100%	13,256,490
	- Ống nước nhựa ∅ 34mm dài 3,5m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 200 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	3.50	13,900	100%	48,650
	- Ống nước nhựa ∅ 27mm dài 25m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	25.00	12,600	100%	315,000
	- Ống nước nhựa ∅ 60mm dài 6m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 210 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	6.00	46,400	100%	278,400
	- Hầm rút bằng BTCT đk phủ bì 1m, 3 hầm, BB không ghi chiều sâu (Kiểm tra trước khi chi trả) (Mục 45 PL IV)	ms			100%	-
	- Rau gia vị các loại 2m2	m2	2.00	18,200	100%	36,400
6	**Nguyễn Thị Nhiên (***CCCD số: 038163030609)*	**106 Đồng Nai, Tổ 3, Phường Đăk Bla (SĐT 0965838020)**				**2,209,288,715**
	*** Hồ sơ toàn bộ thửa đất số 99, tờ bản đồ số 10:** - Theo Trích đo địa chính thu hồi ngày 29/10/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất được người sử dụng đất ký xác nhận ngày 18/4/2024 do Chủ đầu tư cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 866,2 m2; Diện tích thu hồi 202,2 m2 (trong đó: diện tích ảnh hưởng trong giấy chứng nhận QSD đất 182,3 m2; diện tích ảnh hưởng ngoài giấy chứng nhận QSD đất 19,9 m2); diện tích còn lại 664,0 m2. - Theo Giấy CN QSD đất số CC234701, số vào sổ cấp GCN CH02332, được UBND thành phố Kon Tum cấp ngày 23/3/2016, thửa đất số 15 tờ bản đồ số 26, diện tích sau khi chuyển nhượng QSD đất thửa đất 99 (tách từ thửa đất số 15) là 813,1m2 (Trong đó 300m2 đất ở và 513,1m2 đất trồng cây hàng năm khác). **- Nguồn gốc đất:** Theo Văn bản số 985/UBND-KTHT ngày 31/12/2025 của UBND phường Đăk Bla: Trước đây là của vợ chồng ông Hà Xuân Lược được UBND xã ChưHreng cấp đất vào tháng 1/1987. Đến năm 1992 thì sang nhượng lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nhiên. Đến năm 2016 sau khi chồng là Nhiên mất thì bà Nhiên tiếp tục sử dụng. Đất sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp từ năm 1992 cho đến nay. Mục đích sử dụng (diện tích đất ngoài Giấy chứng nhận QSD đất): Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác. - Về tài sản trên đất: + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. - Về tài sản trên đất: Theo nội dung hộ gia đình tự kê khai về thời điểm tạo lập tài sảnthì các tài sản trong phạm vi thu hồi đất có thời điểm xây dựng năm 2004	m²	202.20			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi trong GCN QSD đất (theo đơn đề nghị thu hồi đất ở ngày 13/10/2026 của gia đình)	*m²*	*182.30*	*6,766,900*	*100%*	*1,233,605,870*
	+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi trong GCN QSD đất	*m²*	-			-
	*+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi **ngoài** GCN QSD đất*	*m²*	*19.90*	*73,900*	*100%*	*1,470,610*

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Nhà ở 2 tầng kết cấu khung BTCT chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch KT <500*500mm, tường bả matit sơn nước, cửa đi, cửa sổ bằng nhôm, kính + gỗ; cầu thang bằng BTCT lát gạch, trần gỗ tự nhiên, mái lợp tôn, hệ thống điện nước âm tường, vệ sinh khép kín, tường dày 15cm; S=4,45*13,5; cao trần tầng 1= 3,9m, cao trần tầng 2=3,85. (STT 10 Mục I QĐ số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum)	m²	120.15	4,435,000	100%	532,865,250
	+ Phần trần gỗ tự nhiên tầng áp mái, tính theo diện tích sàn 1 tầng (STT 2 Mục III : 690.000 trần gỗ tự nhiên - 122.000 trần theo đơn giá)	*m²*	*60.08*	*568,000*	*100%*	34,122,600
	- Mái tôn khung thép, nền bê tông dày 10cm; S=5,5*3,8. (STT 1 Mục IV + nền bê tông dày 10cm)	m²	20.90	676,000	100%	14,128,400
	- Sân bê tông dày 10cm S=1,1*13,2+1,4*4,3+1,9*2 (STT 53 Mục IV)	m²	24.34	244,000	100%	5,938,960
	- Tường rào kết cấu trụ bằng gạch trát vữa xi măng S=0,35*13,2 (Vận dụng STT 21 Mục IV - sơn nước)	m²	4.62	533,000	100%	2,462,460
	- Tường rào kết cấu trụ xây bằng gạch quét vôi, lăn sơn. S=2*3,6 (Vận dụng STT 21 Mục IV)	m²	7.20	752,000	100%	5,414,400
	- Cánh cổng kết cấu khung bằng thép, lưới B40, S=1,3*1,75 (STT 10, Mục IV).	m²	2.28	324,000	100%	737,100
	- Ốp tường nhà vệ sinh bằng gạch men: S=1,4*(1,45+1,55+0,5+0,25+0,6+0,1)+1,75*(0,45+0,2+0,4+2,35+2,35) (STT 3 Mục III)	m2	16.29	250,000	100%	4,073,125
	- Bậc tam cấp xây gạch trát vữa xi măng, V=0,25*0,15*3,2+0,25*0,25*3,2 (STT 58, mục IV)	m³	0.32	1,756,000	100%	561,920
	- Hàng rào trụ BTCT V=0,15*0,15*1,8m, kéo lưới B40 cao 1,6m, dài 2,25m+17,3m (STT 25, mục IV)	m2	31.28	93,000	100%	2,909,040
	- Mái tôn khung sắt, nền bê tông dày 10cm; S=1,6*4,7. (STT 1 Mục IV + nền bê tông dày 10cm)	m²	7.52	676,000	100%	5,083,520
	- Nhà ở 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch KT <500*500mm, tường bả matit sơn nước, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ + sắt kính, mái lợp tôn, hệ thống điện nước nổi, nhà vệ sinh khép kín.					-
	*+ Phần diện tích nhà trần gỗ tự nhiên, cao trần 3,6m; S= 4,7*10,1 (STT 1 Mục I: 3769000 - 50000 điện nước nổi - 122000 trần tôn + 690000 trần gỗ tự nhiên - 3*18000 cao trần)*	*m2*	*47.47*	*4,233,000*	*100%*	200,940,510
	*+ Phần diện tích nhà trần nhựa, cao trần 3,6m; S= 5,8*6,5 (STT 1 Mục I: 3769000 - 50000 điện nước nổi - 3*18000 cao trần)*	*m2*	*37.70*	*3,665,000*	*100%*	138,170,500
	- Kệ bếp ốp gạch men; S=0,62*3	m²	1.86	322,000	100%	598,920
	- Tường bếp ốp gạch men; S=0,75*3 (STT 3 Mục III)	m²	2.25	250,000	100%	562,500
	- Bậc tam cấp trát vữa xi măng: V=0,26*1,1*0,6 (STT 58, mục IV)	m³	0.17	1,756,000	100%	301,330
	- Đường ống nước nhựa ∅ 27mm dài 37m (Hộ gia đình tự kê khai, kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	37.00	12,600	100%	466,200
	- Đường ống nước nhựa ∅ 60mm dài 15m (Hộ gia đình tự kê khai, kiểm tra trước khi chi trả) (STT 210 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	15.00	46,400	100%	696,000
	- Đường ống nước nhựa ∅ 90mm dài 12m, đào 0,4*0,4*1m (Hộ gia đình tự kê khai, kiểm tra trước khi chi trả) (STT65b của Phụ lục PL IV)	md	12.00	108,000	100%	1,296,000
	- Trang thờ mái BTCT, tường xây gạch, nền BTCT, quét vôi lăn sơn, trụ sắt (1 cái) (Vận dụng STT 73.đ, Mục IV)	Trang thờ	1.00	267,000	100%	267,000
	- Hầm rút bằng bê tông cốt thép đk phủ bì 1m, sâu 3m (03 hầm) (Hộ gia đình tự kê khai, kiểm tra trước khi chi trả) (STT 45 Mục IV)	ms	9.00	1,807,000	100%	16,263,000
	- Chậu cây có tính chất cảnh đk >40-60 cm	Chậu	11.00	120,000	100%	1,320,000
	- Phát tài trồng phân tán 3 năm	Cây	65.00	10,000	100%	650,000
	- Cây Nha đam	Cây	15.00	6,400	100%	96,000

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Cây Chùm ngây 3 năm	Cây	3.00	90,000	100%	270,000
	- Sung 14 năm đk 45cm	Cây	2.00	135,000	100%	270,000
	- Lộc vừng trồng 14 năm, đk 45cm (Vận dụng mục 57 PL II QĐ 87/QĐ-UBND)	Cây	2.00	135,000	100%	270,000
	- Lộc vừng trồng 14 năm, đk 35cm (Vận dụng mục 57 PL II QĐ 87/QĐ-UBND)	Cây	1.00	135,000	100%	135,000
	- Lộc vừng trồng 06 năm, đk 10cm (Vận dụng mục 57 PL II QĐ 87/QĐ-UBND)	Cây	25.00	75,000	100%	1,875,000
	- Hoa các loại (Vận dụng mục 43 PL I QĐ 87/2024)	m²	17.00	47,500	100%	807,500
	- Cây có tính chất cảnh, ĐK <10cm (trồng ngoài chậu)	Cây	8.00	30,000	100%	240,000
	- Xoài KTCB 2 năm (Mật độ 400 cây/ha): 25m2/cây * 02 cây	Cây	2.00	210,000	100%	420,000
	**** Các Cây trồng vượt mật độ không lập phương án bồi thường (do đã tính hết tính diện tích):***					-
	- Ổi kinh doanh 2 năm (Mật độ 2500 cây/ha): 02 cây	Cây	2.00	181,000		-
	- Mãng cầu 5 năm (Mật độ 200 cây/ha)	Cây	1.00	185,000		-
	- Vải KTCB 3 năm (Mật độ 400 cây/ha)	Cây	12.00	210,000		-
	- Đinh lăng 2 năm (mật độ 14.000 cây/ha)	Cây	5.00	11,000		-
7	**Nguyễn Thị Quỳnh Mai (** *CCCD: 046176012044)*	**98 Đồng Nai, Phường Đăk Bla (SĐT: 0368552746)**				**510,411,402**
	- Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10: Tổng diện tích đo đạc là 283,0 m2. Diện tích đất bị thu hồi 74,2 m2. *(theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất được người sử dụng đất ký xác nhận ngày 05/8/2024 và Trích đo địa chính thu hồi ngày 29/10/2025 do Chủ đầu tư cung cấp).* Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận số AM490839, số vào sổ cấp GCN: H00433 được UBND thị xã Kon Tum cấp ngày 28/3/2008, thửa đất số 54 tờ bản đồ số 26, diện tích 227,6 m2 (trong đó 100 m2 đất ở tại đô thị và 127,6 m2 đất trồng cây hàng năm khác). **- Về nguồn gốc đất:** Theo xác minh của UBND phường Đăk Bla tại Văn bản số 813/UBND-KTHT ngày 26/11/2025 về việc phối hợp xác minh nguồn gốc đất đối với các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh) (STT 37), cụ thể như sau: + Nguồn gốc hình thành: Thửa đất này trước đây của ông Nguyễn Hữu Hà sử dụng. Đến năm 1998 chuyển nhượng cho ông Đậu Minh Tiến. Đến năm 2008 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai. + Tình trạng tranh chấp: Không tranh chấp.					
	- Về tài sản trên đất: Theo xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố Kon Tum (cũ) tại Văn bản số 254/QLĐT-TH ngày 06/4/2023 thì không thuộc trường hợp được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. Theo nội dung hộ gia đình tự kê khai về thời điểm tạo lập tài sản tại Tờ khai ngày 05/12/2025 thì các tài sản trong phạm vi thu hồi đất có thời điểm xây dựng khoảng năm 2000 và một số tài sản tạo lập năm 2013. Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của UBND phường Đăk Bla, Ban QLDA lập phương án hỗ trợ về tài sản cho hộ gia đình.					
	- Tổng diện tích đất bị thu hồi (thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10),	m2	74.20			

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi (theo đơn đề nghị ngày 13/10/2026 của gia đình)	*m²*	*40.00*	*6,766,900*	*100%*	*270,676,000*
	+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi	*m²*	*34.20*	*73,900*	*100%*	*2,527,380*
	- Nhà ở 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch kích thước <500x500mm, tường quét vôi lăn sơn, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ kính, trần đóng la phong nhựa, mái lợp tôn, hệ thống điện nước nổi, vệ sinh rời, cao trần 2,8m. S=4,3*8,4+2,7*5. *(3.769.000 STT 1 Mục I - bả matic sơn nước + sơn nước - điện nước nổi - vệ sinh ngoài - cao trần- dày tường)*	m²	49.62	3,246,000	100%	161,066,520
	- Mái tôn khung thép, nền gạch men KT <500*500mm; S=3,8*5+8,1*0,7 (STT 1 Mục IV + nền gạch men)	m²	24.67	622,000	100%	15,344,740
	- Trụ cổng kết cấu bằng BTCT, kết hợp xây gạch, ốp gạch men 4 mặt; V=0,35*0,35*1,9 (2 trụ) (Vận dụng STT 17 mục IV)	m³	0.47	3,014,000	100%	1,403,017
	*+ Phần ốp gạch men: S=0,35*1,9*4 mặt*	*m²*	2.66	*250,000*	*100%*	*665,000*
	- Cánh cổng kết cấu khung thép, thanh thép hộp lớn <30*30mm, sơn chống gỉ; S=2*2,2 (STT 7 Mục IV)	m²	4.40	535,000	100%	2,354,000
	- Tường rào kết cấu trụ bằng gạch, tường ốp gạch men S=(1,3+1,1)*0,85 (STT 21 Mục IV + ốp gạch)	m²	2.04	1,002,000	100%	2,044,080
	- Hàng rào khung bằng thép hộp (40*80mm), đan thanh thép hộp (thép hộp có chu vi >120mm); S=1*(1,3+1,1) (STT 23 Mục IV)	m²	2.40	621,000	100%	1,490,400
	- Hàng rào khung bằng thép hộp, đan thanh thép hộp chu vi <120mm; S=0,9*5 (STT 23 Mục IV)	m²	4.50	621,000	100%	2,794,500
	- Tường rào kết cấu xây gạch , trát vữa xi măng, sơn nước; S=2,55*2,7 (STT 21 Mục IV)	m²	6.89	752,000	100%	5,177,520
	- Bậc tam cấp xây gạch trát vữa xi măng: V=1,9*1*0,1+0,2*0,55*0,3 (STT 58, mục IV)	m³	0.22	1,756,000	100%	391,588
	- Mái tôn khung gỗ, nền gạch men KT <500*500mm; S=3,3*2 (STT 4 Mục IV + nền gạch men)	m²	6.60	567,000	100%	3,742,200
	- Tường rào xây gạch không trát vữa xi măng; S=5*1,8 (STT 21 Mục IV - không trát vữa xi măng)	m²	9.00	632,000	100%	5,688,000
	- Kệ bếp xây gạch, gác đan BTCT, ốp gạch men KT <500*500mm; S=0,62*1,25	m²	0.78	322,000	100%	249,550
	- Chuồng: tường xây gạch, nền láng xi măng, mái lợp tôn; S=3*4,5 (STT 37 Mục I)	m²	13.50	1,868,000	100%	25,218,000
	- Chuồng vách tôn kết hợp lưới B40, nền láng xi măng, mái lợp tôn; S=2,3*2 (STT 39 Mục I)	m²	4.60	1,038,000	100%	4,774,800
	- Nhựa xốp ốp tường: S=3,7*0,8+0,7*0,5+4*0,8 (Vận dụng STT 2 mục III)	m²	6.51	77,000	100%	501,270
	- Ống nước nhựa Ø 27mm, dài 27m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	27.00	12,600	100%	340,200
	- Ống nước nhựa Ø 90mm dài 27m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 216 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	27.00	108,000	100%	2,916,000
	- Buy cống BTCT Ø 90cm, cao 0,5m đáy láng vữa xi măng (vận dụng STT 38 Mục IV)	m3	0.32	1,235,000	100%	392,637
	- Trang thờ mái lợp ngói, tường xây gạch, sơn nước, nền bê tông, trụ BTCT (Vận dụng STT 73.c, Mục IV)	Trang thờ	1.00	283,000	100%	283,000
	- Ổi kinh doanh năm 3	Cây	1.00	181,000	100%	181,000
	- Hoa các loại (Vận dụng mục 43 PLI QĐ 87/2024)	m²	4.00	47,500	100%	190,000
8	**Huỳnh Ngọc Hùng** *(CCCD số: 062071000586)*	**Thôn Plei Rơhai 2, Phường Đăk Bla**				**450,612,003**

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Tổng diện tích bị thu hồi thửa đất số 244 tờ bản đồ số 10 là: 32,5m2. - Theo Trích đo địa chính thu hồi ngày29/10/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 5/8/2024 do Đơn vị tư vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 497,7 m2. Diện tích đất bị thu hồi 32,5 m2 diện tích còn lại 465,2 m2. - Thửa đất đã được cấp GCN QSD đất số BK098755, số vào sổ cấp GCN: CH01869, được UBND thành phố Kon Tum (cũ) cấp ngày 11/4/2014, diện tích đất ở 50m2, diện tích đất trồng cây hằng năm khác 290,7 m2. **- Nguồn gốc đất:** Theo Báo cáo 776/UBND-KTHTĐT ngày 19/11/2025 của UBND phường Đăk Bla : Nguồn gốc thửa đất là của bà Y Tương thuộc diện giãn dân tách hộ lập vườn năm 1982 thuộc tập đoàn 2 làng Pleirơhai. Đến năm 1995 thì sang nhượng lại cho ông Nguyễn Ni, đến năm 2003 sang nhượng lại cho ông Huỳnh Ngọc Hùng, từ đó đến nay ông Hùng sử dụng ổn định, không tranh chấp. **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. + Căn cứ tờ khai của hộ gia đình: Thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc: năm 2005 và 2010. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:					
	- Diện tích đất ở bị thu hồi (thửa đất số 244 tờ bản đồ số 10)	*m2*	*30.00*	*6,766,900*	100%	203,007,000
	- Cánh cổng kết cấu bằng khung thép, thanh thép hộp chu vi ≥120 sơn chống gỉ, S=2,8*2,4m (Mục 8 PL IV)	m²	6.72	669,000	100%	4,495,680
	- Trụ cổng kết cấu BTCT, kết hợp xây gạch tô bằng xi măng. V=0,43*0,43*2,8*3 trụ (Vận dụng mục 17 phần IV)	m3	1.55	3,014,000	100%	4,681,224
	*+ Phần ốp đá thiên nhiên. S=0,43*2,8m (10 mặt)(Đơn giá STT 19, PL IV).*	*m2*	*12.04*	*250,000*	*100%*	*3,010,000*
	- Hàng rào Khung thép hộp, thép hộp (40*80), thép hộp chu vi ≥120mm. S=(1,8*1,53)+(1,3*1,8)*2 (Mục 23 phần IV)	m2	7.43	621,000	100%	4,616,514
	- Hàng rào Khung thép hộp, thép hộp chu vi <120mm. S=(1,45*5,4)+(1,3*1,45)*2 (Vận dụng đơn giá STT 23, PL IV)	m2	11.60	621,000	100%	7,203,600
	- Giàn lắp dựng thép hộp vuông, hệ giàn bằng thép hộp tạo thành khung ô vuông để treo phong lan. S=1,5*5,4+1,3*2,8m (Đơn giá STT 68b, PL IV)	m2	11.74	84,000	100%	986,160
	- Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch sơn nước. S=(1,1*1,8)+(3,3*3,6)*2	m²	25.74	1,037,000	100%	26,692,380
	*+ Phần ốp đá thiên nhiên. S=(1,6*0,7)+(0,73*4,8)+(1*5,3)+(1,8*1,1)*2m*	*m2*	*13.88*	*250,000*	*100%*	*3,471,000*

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Sân lát gạch ceramic. S=4,8*1m (Vận dụng đơn giá STT 56, Phụ lục IV)	m²	4.80	199,000	100%	955,200
	- Mái hiên khung thép, mái lợp tôn, nền lát gạch granit; S=3,3*5,4 (Mục 1 PL IV + Nền gạch garanit (STT 56, Phụ lục IV). 432000+199000	m²	17.82	631,000	100%	11,244,420
	- Nhà 01 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền gỗ tự nhiên, tường bả matic và sơn nước, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ và nhôm kính, trần gỗ tự nhiên, cao trần 3,6m, mái lợp tôn, hệ thống điện nước âm tường, nhà vệ sinh rời. S=6,4*5,4m (Vân dụng đơn giá STT 01, Phụ lục I (3769000)- nền lát gạch ≤500mmx500mm (190000)+ sàn gỗ tự nhiên (690000)- trần nhựa, tôn (122000)+ Trần gỗ tự nhiên (690000)- vệ sinh rời (132000)- chênh cao trần (0,3*18000/0,1) -50000 dày tường	m²	34.56	4,601,000	100%	159,010,560
	*+ Phần tường ốp gỗ tự nhiên. S=(1,18*6,4)+(1,15*8,95)+(0,7*2,9)*2+(4*0,6)+(0,3*3,6)m (Đơn giá STT 03, Phụ lục III)*	*m²*	*25.38*	*690,000*	*100%*	*17,515,305*
	*+ Phần ốp gạch Ceramic chân tường. S=(0,1*6,4)*2+(1,15*0,1)m (Vận dụng đơn giá STT 03, Phụ lục III)*	*m²*	*1.40*	*250,000*	*100%*	*348,750*
	- Hầm rút xây gạch. Đk 1m, sâu 6m (kiểm tra trước khi chi trả). V=3,14*(0,5*0,5)*6 (Vận dụng đơn giá STT 43, PL IV)	m3	4.71	299,000	100%	1,408,290
	- Đường ống nước phi 114mm, đào 0,4*0,4*1m (kiểm tra trước khi chi trả)	md	1.00	108,000	100%	108,000
	- Đường ống nước phi 90mm, đào 0,4*0,4*1m (kiểm tra trước khi chi trả)	md	1.00	108,000	100%	108,000
	- Sân nền lát gạch granit (Vận dụng đơn giá STT 56, Phụ lục IV)	m2	1.08	199,000	100%	214,920
	- Chậu cây có tính chất cảnh đk 1m (hỗ trợ chi phí di dời: đơn giá STT 1.b1, Phụ lục II)	Chậu	1.00	200,000	100%	200,000
	- Chậu cây có tính chất cảnh đk 40-60cm (hỗ trợ chi phí di dời: đơn giá STT 1.b1, Phụ lục II)	Chậu	10.00	120,000	100%	1,200,000
	- Cây lộc vừng 23 năm. (Vận dụng đơn giá STT 57)	Cây	1.00	135,000	100%	135,000
9	**Lê Xuân Nghị** *(CCCD số: 044040000521)*	**SN 108 Đồng Nai, Phường Đăk Bla (SĐT 0826828259)**				**2,233,283,038**

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10: Tổng diện tích đo đạc là 958,4 m2. Diện tích đất bị thu hồi 268,6 m2. *(theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất được người sử dụng đất ký xác nhận ngày 05/8/2024 và Trích đo địa chính thu hồi ngày 29/10/2025 do Chủ đầu tư cung cấp).* - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: 00140/QSDĐ/KT, được Ủy ban nhân dân thị xã Kon Tum cấp ngày 13/10/1994, thửa đất số 155 tờ bản đồ số 02 diện tích 1435 m2 (Trong đó 400m2 đất ở và 1035m2 đất vườn (tạm giao). **- Về nguồn gốc đất:** Theo xác minh của UBND phường Đăk Bla tại Văn bản số 813/UBND-KTHT ngày 26/11/2025 về việc phối hợp xác minh nguồn gốc đất đối với các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh), cụ thể như sau: + Nguồn gốc hình thành: Thửa đất này trước đây của Hùng Lan sử dụng. Đến năm 1991 sang nhượng cho ông Lê Xuân Nghị cấp GCNQSDĐ năm 1994. Từ đó đến nay ông Lê Xuân Nghị sử dụng ổn định không tranh chấp. + Tình trạng tranh chấp: Không tranh chấp. - Về tài sản trên đất: Theo xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố Kon Tum (cũ) tại Văn bản số 254/QLĐT-TH ngày 06/4/2023 thì không thuộc trường hợp được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. Theo nội dung hộ gia đình tự kê khai về thời điểm tạo lập tài sản tại Tờ khai ngày 06/12/2025 thì các tài sản trong phạm vi thu hồi đất gia đình tạo lập năm 1994. Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của UBND phường Đăk Bla, Ban	m²	268.60			
	- Tổng diện tích đất bị thu hồi (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 10)	m²	268.60			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi (Trên cơ sở ý kiến đề nghị thu hồi đất ở của hộ gia đình)	*m²*	*268.60*	*6,766,900*	*100%*	*1,817,589,340*
	- Trụ cổng kết cấu BTCT, kết hợp xây gạch không trát vữa xi măng V=0,4*0,4*2,3 (02 trụ). (STT 17 Mục IV - không tô xi măng)	m3	0.74	2,940,000	100%	2,163,840
	- Cánh cổng kết cấu khung thép gắn lưới B40, S=1,8*4,1 (STT10 Mục IV)	m2	7.38	324,000	100%	2,391,120
	- Tường rào xây gạch, không trát vữa xi măng. S=5,7*3,2+3,6*1,7. (STT 21 Mục IV - không tô-không sơn nước)	m2	24.36	413,000	100%	10,060,680
	- Sân nền lớp mặt đá 1x2 lót bê tông đá 4x6, dày 10cm S=1,3*4,8+7,2*8,4 (STT 53 Mục IV)	m²	66.72	244,000	100%	16,279,680
	- Bậc tam cấp xây gạch trát vữa xi măng, V=1,1*0,7*0,2 (STT 58, mục IV)	m³	0.15	1,756,000	100%	270,424
	- Mái tôn khung gỗ , S=7,9*5,3 (STT 4 Mục IV)	m2	41.87	377,000	100%	15,784,990
	- Nhà 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch KT <500*500, tường quét vôi lăn sơn dày 15cm, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ, trần tôn, mái lợp tôn, hệ thống điện nước nổi, vệ sinh khép kín , cao trần 3,9m; S=3,9*7,2. (STT 1 Mục I - bả matit và sơn nước + sơn nước (không bả matit) - điện nước nổi)	m²	28.08	3,626,000	100%	101,818,080
	- Nhà 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền xi măng, tường quét vôi lăn sơn, cửa đi, cửa sổ băng gỗ, không trần, mái lợp tôn, hệ thống điện nước ngoài tường, vệ sinh khép kín , cao trần 3,9m; S=3,35*7,2+6,3*7,25 (STT 1 Mục I - lát gạch ≤500*500mm + nền láng xi măng - bả matit và sơn nước + sơn nước (không bả matit) - không trần - điện nước nổi)	m²	69.80	3,384,000	100%	236,186,280
	- (Nhà vệ sinh) ốp gạch KT<500*500mm, S=(1,75+2+1,95)*1,7	m2	9.69	250,000	100%	2,422,500
	- Kệ bếp xây gạch, gác đan BTCT, ốp gạch KT<500*500mm. S=0,5*1,6 (Mục I)	m²	0.80	322,000	100%	257,600
	- Hàng rào trụ gỗ lưới B40, cao 1,6m, dài 18,3m. (STT 27 Mục IV)	m2	29.28	68,000	100%	1,991,040
	- Tường rào xây gạch không trát vữa xi măng. S=14,3*0,6. (STT 21 Mục IV - không tô - sơn nước)	m2	8.58	413,000	100%	3,543,540
	- Đường ống nhựa ϕ27 dài 27m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	27.00	12,600	100%	340,200
	- Hầm rút bằng bê tông cốt thép Φ 1m sâu 1,5m (03 hầm) (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 5 Mục IV)	ms	4.50	1,807,000	100%	8,131,500

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Chậu trồng cây có tính chất cảnh đk > 01m	Chậu	1.00	650,000	100%	650,000
	- Chậu trồng cây có tính chất cảnh đk >40-60cm	Chậu	7.00	120,000	100%	840,000
	- Đu đủ KD năm 3	Cây	7.00	145,000	100%	1,015,000
	- Mai vàng trồng năm 4	Cây	11.00	235,000	100%	2,585,000
	- Mai vàng trồng năm 7	Cây	4.00	405,000	100%	1,620,000
	- Phát tài trồng phân tán năm 2	Cây	22.00	10,000	100%	220,000
	- Sầu riêng kinh doanh năm 4 (STT 30a.2 PL II QĐ 87/QĐ-UBND) (mật độ 200 cây/ha; 50m2/cây)	Cây	1.00	1,258,000	100%	1,258,000
	- Mít kinh doanh năm 5 (Vận dụng STT 35b PL II QĐ 87/QĐ-UBND) (mật độ 400 cây/ha; 25 m2/cây)	Cây	1.00	1,790,000	100%	1,790,000
	- Mít kinh doanh năm 4 (Vận dụng STT 35b PL II QĐ 87/QĐ-UBND) (mật độ 400 cây/ha; 25 m2/cây * 3 cây= 75 m2)	Cây	3.00	1,062,000	100%	3,186,000
	- Rau hẹ đang phát triển 5,7m*3,4m (Vận dụng STT 17 PL I QĐ 87/QĐ-UBND)	m2	19.38	44,800	100%	868,224
	- Khoai lang 5m2	m2	5.00	4,000	100%	20,000
	**** Các cây trồng bị vượt mật độ không lập phương án bồi thường*** *(mật độ cây trồng theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 87/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tổng diện tích bồi thường đất nông nghiệp là 170,73 m2 đã tính bồi thường các cây trồng ở trên.*					
	- Mít kinh doanh năm 4 (Vận dụng STT 35b PL II QĐ 87/QĐ-UBND) (mật độ 400 cây/ha)	Cây	2.00	1,062,000		-
	- Mít ghép kinh doanh năm 1 (mật độ 400 cây/ha)	Cây	2.00	483,000		-
	- Xoài kinh doanh năm 3 (mật độ 400 cây/ha)	Cây	2.00	780,000		-
	- Xoài kinh doanh năm 2 (mật độ 400 cây/ha)	Cây	1.00	780,000		-
	- Nhãn kiến thiết CB năm 2 (mật độ 400 cây/ha)	Cây	10.00	165,000		-
	- Nhãn kiến thiết CB năm 3 (mật độ 400 cây/ha)	Cây	5.00	210,000		-
	- Chuối > 6 tháng (Mật độ 2000 cây/ha; 5m2/cây * 73 cây = 365 m2)	Cây	73.00	100,000		-
	- Chuối < 6 tháng	Cây	34.00	45,000		-
	- Bơ ghép KTCB năm 2	Cây	6.00	67,000		-
	- Bơ kinh doanh năm 3 (Mật độ 185 cây/ha)	Cây	3.00	181,000		-
	- Muồng trồng 5 năm	Cây	2.00	45,000		-
	- Vải KD năm 3 (Mật độ 400 cây/ha)	Cây	1.00	780,000		-
	- Cây lá Dứa (STT 55b PL I)	m2	7.00	4,500		-
10	**Vũ Văn Thọ** *(CCCD số: 036090021078)* **- Vũ Thị Thêm (***CCCD số: 066190003522)*	**Số 94 đường Đồng Nai, Phường Đăk Bla SĐT 0906277004- 0906277003- 0706114212**				**535,780,813**

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Tổng diện tích thu hồi thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10: 62,4m2 - Căn cứ phiếu Trích đo ngày 29/10/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/8/2024 do Đơn vị tư vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 305,7 m2. Diện tích đất bị thu hồi 62,4 m2; diện tích còn lại: 243,3 m2. - Thửa đất đã được cấp GCN số CC 115964, số vào sổ cấp GCN: CH02298 do UBND thành phố Kon Tum cấp ngày 22/01/2016, thửa đất số 121 tờ bản đồ số 26 (GCN tên Vũ Thị Thêm), diện tích 290 m2 (trong đó 200 m2 đất ở và 90 m2 đất trồng cây hàng năm khác). **- Nguồn gốc đất:** Theo Báo cáo số 479/UBND-KTHT ngày 14/4/2026 của UBND phường ĐăkBla xác nhận: Thửa đất này trước đây của ông Nguyễn Hữu Trọng sử dụng. Đến năm 1994 bán lại cho ông Nguyễn Văn Mạnh. Đến năm 2015 bán lại cho bà Vũ Thị Thêm. Từ đó đến nay sử dụng ổn định, không tranh chấp. Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm khác **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. + Căn cứ tờ khai của hộ gia đình: Thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc: Năm 2016. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:					-
	- Tổng diện tích bị thu hồi (thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10)	m²	62.40			
	+ Diện tích ở bị thu hồi (theo đơn đề nghị thu hồi đất ở ngày 14/10/2026)	*m²*	*62.40*	*6,766,900*	*100%*	*422,254,560*
	- Cánh cổng kết cấu khung thép, thanh thép hộp lớn >30*30mm, sơn chống gỉ; S=3,8*2,8 (STT 7 Mục IV)	m²	10.64	669,000	50%	3,559,080
	- Trụ cổng kết cấu bằng BTCT, kết hợp xây gạch, tô bằng xi măng sơn nước; V=0,55*0,62*3,2 (2 trụ) (STT 17 Mục IV)	m³	2.18	3,014,000	50%	3,288,877
	- Phần trụ ốp gạch trang trí; S=0,7*2*3,43+1,17*3*3,2	m²	16.03	250,000	50%	2,004,250
	- Mái ngói khung sắt, trần la phong gỗ tự nhiên, nền bê tông xi măng dày 20 cm; S=5*8,6. (STT 2 Mục IV + trần gỗ tự nhiên + Nền)	m²	43.00	1,605,000	50%	34,507,500
	- Sân nền bê tông xi măng dày 20cm ; S=5*1,4. (STT 54 Mục IV)	m²	7.00	309,000	50%	1,081,500
	- Hàng rào khung bằng thép hộp (40*80mm), đan thanh thép hộp >30*30mm; S=(0,8*8,6)*2 (STT 23 Mục IV)	m²	13.76	621,000	50%	4,272,480
	*+ Phần Hàng rào bọc thêm tôn sáng; S=0,8*8,6 (Mục 29 PL IV)*	*m²*	*6.88*	70,000	50%	240,800
	- Nhà 1 tầng kết cấu gỗ chịu lực, tường xây gạch, ốp gỗ tự nhiên: S=2,75*3*2, nền lát gạch men , cửa đi bằng gỗ, mái lợp ngói, cao 3,2m, không trần, S=. (Vận dụng STT 9 Mục I + nền lát gạch - nền láng xi măng - không trần - cao trần) (BBKK không ghi KT gạch, tạm lập KT <500*500mm;	m²	16.50	3,690,000	100%	60,885,000

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Ống nước thải Ø 114mm, dài 26m (Kiểm tra trước khi chi trả)	md	26.00	108,000	50%	1,404,000
	- Ống nước nhựa Ø 27mm dài 38m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	38.00	12,600	50%	239,400
	- Hầm rút V=0,4*0,6*0,7 (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 43 Mục IV)	m3	0.17	299,000	50%	25,116
	- Hàng rào khung bằng thép hộp (40*80mm), đan thanh thép hộp >30*30mm; S=5*1,3 (STT 23 Mục IV)	m²	6.50	621,000	50%	2,018,250
11	**Vũ Huy Quang** *(CCCD số: 062063004298)* **- Trần Thị Hồng** *(CCCD số: 063167011527)*	**Plei Rơ Hai 1, Phường Lê Lợi cũ**				**171,216,976**
	- Tổng diện tích thu hồi thửa đất số 199 tờ bản đồ số 10: 61,7m2 - Căn cứ phiếu Trích đo ngày 29/10/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10/5/2024 do Đơn vị tư vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 352,7 m2. Diện tích đất bị thu hồi 61,7 m2; diện tích còn lại: 291,0 m2. - Thửa đất được cấp GCN số DH 897356, số vào sổ cấp GCN: CH 05980 do UBND thành phố Kon Tum cấp ngày 12/10/2023, thửa đất số 199 tờ bản đồ số 10 diện tích 292,5m2 (trong đó 130 m2 đất ở và 162,5 m2 đất trồng cây hàng năm khác). - Nguồn gốc đất: Theo Văn bản số 776/UBND-KTHT ngày 19/11/2025 và Văn bản số 340/UBND-KTHT ngày 30/3/2026: Thửa đất này trước đây do ông A Diêm và bà Y Nưr khai hoang sử dụng trước năm 1975. Đến năm 1990 cho con là ông A Kươn và bà Y Phi, ông A Kươn và bà Y Phi sử dụng đến năm 1995 thì chuyển nhượng lại một phần cho ông Phạm Thanh Hải, đến năm 2000 thì Ông Hải sang nhượng lại cho ông Vũ Huy Quang, từ đó đến nay ông Vũ Huy Quang sử dụng ổn định, không tranh chấp. **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. + Căn cứ tờ khai của hộ gia đình: Thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc Năm 2000. Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi lập phương án bồi thường, hỗ trợ như sau:					
	+ Tổng diện tich đấtbị thu hồi (thửa đất số 199, tờ bản đồ số 10),	m2	61.70			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi (theo dien tích nhà)	*m2*	*0.20*	*6,766,900*	100%	1,353,380
	+ Diện tích đất ảnh hưởng nằm ngoài giấy chứng nhận (thửa đất số 199, tờ bản đồ số 10),	*m2*	*61.50*	*73,900*	100%	4,544,850
	- Nhà ở 1 tầng có gác lửng, kết cấu khung chịu lực, tường bao che xây gạch, tường bả ma tít, sơn nước cửa đi cửa sổ bằng gỗ kính, hệ thống điện nước nổi, nhà vệ sinh khép kín, có hệ thống nóng lạnh	m2				-

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	+ Phần gác lửng sàn gỗ tự nhiên, cao trần 4,9m trần ốp gỗ tự nhiên	m2	40.89	650,000	70%	18,604,950
	+ Phần nhà nền gạch men ≤ 500 * 500, trần gỗ tự nhiên, cao trần 3,9m (có thuộc gian nhà có gác lửng không) 3.769.000-50.000 âm tường +560.000 nền gạch men	m2	29.10	0	70%	-
	+ Phần nhà có gác lửng, kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, tường quét vôi, lăn sơn, cửa đi của sổ bằng gỗ, không trần, mái lợp tôn, cao mái 5,1m, nền xi măng, gác lửng sàn gỗ tự nhiên S=3,8*3,4; cao móng 1,6m (3.769.000-50.000 âm tường -190000 nền gạch 500*500+ 70000 nên xi măng	m2	6.65	0	70%	-
	++ Phần gác lửng sàn gỗ tự nhiên cao móng 1,6 m (3.769.000-50.000 âm tường -190000 nền gạch 500*500+ 70000 nên xi măng +600000 gác sàn gỗ	m2	12.92		70%	-
	- Tường nhà ốp gỗ tự nhiên (STT 3)	m2	41.08	690,000	70%	19,841,640
	- Tường nhà vệ sinh ốp gạch men kích thước ≤ 500 * 500; diện tích: 1,2*(0,3+0,5+1,45+1,5*2)+0,8*(0,2+1,5*2+0,85)	m2	9.54	190,000	70%	1,268,820
	- Kệ bếp bằng đá granit	m2	1.24	652,000	70%	565,936
	- Tủ bếp dưới bằng gỗ cao 0,8 m sâu 0,62 dài 2 m	md	2.00	1,050,000	70%	1,470,000
	- Tủ bếp trên bằng gỗ cao 0,7 m sâu 0,62 dài 2 m	md	2.00	1,890,000	70%	2,646,000
	- Nhà kho khung bằng gạch chịu lực, tường xây gạch cửa sắt kính, nền lát gạch men < 500 * 500 mái lợp tôn (làm mộc) 1.517.000-70.000 nền xi măng +190.000 nền gạch	m2	23.40	1,637,000	70%	26,814,060
	+ Tường ốp gỗ tự nhiên (trong kết cấu nhà, không bồi thường)	m2	8.40	690,000	70%	4,057,200
	+ Trần ốp gỗ tự nhiên (trong kết cấu nhà, không bồi thường)	m2	21.84	690,000	70%	10,548,720
	- Mái tôn, khung thép, nền bê tông dày 20 cm =432000+309000	m2	13.02	741,000	100%	9,647,820
	- Tường rào xây gạch sơn nước, kết cấu trụ bằng gạch cao 1,5 m (STT 21)	m2	13.80	752,000	100%	10,377,600
	- Tôn ốp ngoài Tường rào xây gạch (vận dụng IV, số TT 29)	m2	11.04	70,000	100%	772,800
	- Hàng rào khung sắt, lưới B40 262000+30000 (STT 29)	m2	13.80	292,000	100%	4,029,600
	- Sân bê tông dày 20 cm (STT 54)	m2	2.60	309,000	100%	803,400
	- Giếng khoan sâu 43 m ống chống Θ = 114, ống dẫn nước Θ = 34 dài 43m; máy bơm chìm 1,5 HP (Kiểm tra trước khi chi trả)	hệ thống				
	+ Máy bơm chìm 1,5 HP	máy	1.00	1,260,000	20%	252,000
	+ Công khoan + ống chống Ø = 114mm	ms	43.00	315,000	100%	13,545,000
	+ Ống nước nhựa fi 34mmm (STT 198 Thông báo số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025)	ms	43.00	16,900	100%	726,700
	- Giếng bọng BTCT, nền bê tông, đk 1,5m sâu 20m (Kiểm tra trước khi chi trả) =1011000*1,1	ms	20.00	1,112,100	100%	22,242,000
	- Hầm rút bọng bê tông, đk 1,1m; 2 hầm sâu 2,5m; 1 hầm sâu 4m (Kiểm tra trước khi chi trả)	ms	6.50	1,807,000	100%	11,745,500
	- Đường ống nước phi 34 mm (do hộ gia đình kê khai, kiểm tra trước khi chi trả) (STT 198 Thông báo số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025)	md	20.00	16,900	100%	338,000

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Đường ống nước phi 90 mm, đào sâu 0,4*0,4*1 (do hộ gia đình kê khai, kiểm tra trước khi chi trả). (STT 65)	md	32.00	108,000	100%	3,456,000
	- Đường ống nước phi 27 mm (do hộ gia đình kê khai, kiểm tra trước khi chi trả) (không có trong bảng đơn giá tạm thời chưa tính toán giá trị) (STT 196 Thông báo số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025)	md	25.00	12,600	100%	315,000
	- Chậu cây có tính chất cảnh đk > 1 m (không quy định mật độ)	Chậu	1.00	650,000	100%	650,000
	- Chậu cây có tính chất cảnh đk > 60cm- 1m (không quy định mật độ)	Chậu	3.00	200,000	100%	600,000
	- Chậu cây có tính chất cảnh đk <10 cm (cây lộc vừng 5 năm) (không quy định mật độ) (không được hỗ trợ)	Chậu	1.00		100%	-
12	**Nguyễn Thị Hậu - CCCD: 037158011607 (SĐT 0328720232)**	**104 Đồng Nai, Phường Đăk Bla**				**503,410,245**
	- Tổng diện tích đất thu hồi thửa đất số 120, tờ bản đồ số 10 là: 94,6m2. - Căn cứ phiếu Trích đo ngày 29/10/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 11/9/2022 do Đơn vị tư vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 351,1 m2. Diện tích đất bị thu hồi 94,6 m2 *(trong đó diện tích ảnh hưởng trong GCN 39,5 m2, diệntichs ảnh hưởng ngoài GCN 55,1 m2);* diện tích còn lại: 256,5m2. - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP779303, số vào sổ cấp GCN CS 03363, được Sở TNMT cấp ngày 20/11/2018, thửa đất số 120 tờ bản đồ số 10, diện tích 242,7m2 đất ở tại đô thị. - Về nguồn gốc đất: Theo xác minh của UBND phường Đăk Bla tại Văn bản số 776/UBND-KTHTĐT ngày 19/11/2025 về việc phối hợp xác minh nguồn gốc đất đối với các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh), cụ thể như sau: + Nguồn gốc hình thành: Trước đây đất của ông Nguyễn Thanh Quang sử dụng. Đến năm 1995 bán lại cho bà Nguyễn Thị Hậu. + Tình trạng tranh chấp: Không tranh chấp. **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành	m²	94.60			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi trong GCN QSD đất (đất 1 mặt tiền vị trí 1 đường Đồng Nai)	*m²*	*39.50*	*6,766,900*	*100%*	*267,292,550*
	+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi ngoài GCN QSD đất	*m²*	*55.10*	*73,900*	*100%*	*4,071,890*
	- Sân bê tông xi măng dày 20cm S=1,7*6,75 (STT 54 Mục IV)	m²	11.48	309,000	100%	3,545,775
	- Trụ cổng kết cấu bằng BTCT, kết hợp xây gạch, tô xi măng; V=0,35*0,35*2,1 (2 trụ). (STT 17 mục IV)	m³	0.51	3,014,000	100%	1,550,703
	- Cánh cổng kết cấu khung thép, thanh thép hộp chu vi >120, S=2,2*2,1 (STT 7 Mục IV)	m²	4.62	669,000	100%	3,090,780
	- Mái tôn khung trụ gỗ, nền lát gạch KT ≤500*500; S=4,1*6,4 (STT 4 Mục IV + nền lát gạch)	m²	26.24	567,000	100%	14,878,080

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch trát vữa xi măng; S=2,65*2+4,3*1,7, Phần gắn trụ gỗ kéo 3 dây kẽm gai có đan ô; S=2,65*0,6+4,3*0,6 (STT 20 Mục IV- sơn nước)	m^2				
	*+ Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch trát vữa xi măng; S=2,65*2+4,3*1,7(STT 20 Mục IV- sơn nước)*	*m^2*	*12.61*	*818,000*	*100%*	*10,314,980*
	*+ Phần gắn trụ gỗ kéo 3 dây kẽm gai có đan ô; S=2,65*0,6+4,3*0,6 (STT 35 Mục IV)*	*m^2*	*4.17*	*120,000*	*100%*	*500,400*
	- Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch trát vữa xi măng; S=0,7*3,5 (STT 20 Mục IV- sơn nước), Phần gắn khung thép, thanh thép hộp chu vi ≥120mm; S=3,5*1,3, Phần gắn trụ gỗ kéo 3 dây kẽm gai có đan ô S=3,5*0,6 (STT 35 Mục IV)	m^2				
	*+ Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch trát vữa xi măng; S=0,7*3,5 (STT 20 Mục IV- sơn nước)*	*m^2*	*2.45*	*818,000*	*100%*	*2,004,100*
	*+ Phần gắn khung thép, thanh thép hộp chu vi ≥120mm; S=3,5*1,3 (STT 23 Mục IV- sơn nước)*	*m^2*	*4.55*	*621,000*	*100%*	*2,825,550*
	*- Phần gắn trụ gỗ kéo 3 dây kẽm gai có đan ô S=3,5*0,6 (STT 35 Mục IV)*	*m^2*	*2.10*	*120,000*	*100%*	*252,000*
	- Nền lát gạch KT 500*500mm; S=1,3*2,1 (STT 1 Mục III)	m^2	2.73	190,000	100%	518,700
	- Cửa sắt kéo kết cấu bằng khung thép bọc tôn; S=2,1*2,9 (Vận dụng STT 9 Mục IV)	m^2	6.09	390,000	100%	2,375,100
	- Bậc tam cấp xây gạch láng vữa xi măng: V=0,1*0,1*0,87 (STT 58, mục IV)	m^3	0.01	1,756,000	100%	15,277
	- Nền bê tông dày 20cm S=2*10,7 (STT 54 Mục IV)	m^2	21.40	309,000	100%	6,612,600
	- Giàn trồng hoa lan khung thép hộp tạo thành khung ô vuông, phủ lưới nhựa (gắn theo tường nhà) S=10,7*2 (Vận dụng STT 68b Mục IV)	m2	21.40	84,000	100%	1,797,600
	- Nhà 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch KT ≤500*500mm, cửa đi, cửa sổ bằng sắt, gỗ, hệ thống điện nước âm tường, nhà vệ sinh nằm ngoài nhà chính. (Biên bản kiểm kê không ghi dày tường, sơn tường. Tạm lập sơn nước và tường 15cm)					
	*+ Phần mái lợp ngói, trần đóng la phong tôn, cao trần 3,5m; S=7,9*4,35 (STT 2, mục I - vệ sinh rời - cao trần - bả matit và sơn nước - tường dày)*	*m2*	*34.37*	*3,372,000*	*100%*	*115,878,780*
	*+ Phần nền bê tông dày 20cm, mái lợp tôn, không la phong, cao trần 3,3m; S=4,3*4,2 (STT 1 mục I - vệ sinh rời - nền lát gạch + nền xi măng - không trần - cao trần - bả matit và sơn nước + lăn sơn)*	*m2*	*18.06*	*3,383,000*	*100%*	*61,096,980*
	- Hầm rút xây gạch 2 hầm V=1*1*2,5 (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 43 Mục IV)	ms	5.00	299,000	100%	1,495,000
	- Đường ống nước nhựa Ø 21mm dài 17m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 194 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	17.00	9,600	100%	163,200
	- Đường ống nước nhựa Ø 27mm dài 17m (Kiểm tra trước khi chi trả) (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	17.00	12,600	100%	214,200
	- Đường ống nước nhựa Ø 90mm dài 18m+4m (Kiểm tra trước khi chi trả)	md	22.00	108,000	100%	2,376,000
	- Cây lộc vừng trồng 13 năm , đk 25cm (Vận dụng STT 57 PL II QĐ 87/2024)	Cây	1.00	135,000	100%	135,000
	- Cây lộc vừng trồng 13 năm , đk ≥10-20cm (Vận dụng STT 57 PL II QĐ 87/2024)	Cây	3.00	135,000	100%	405,000
13	**Phạm Thị Thu Hằng (CMND 233230341)**	**Thôn Plei Rơ Hai 2, P. Đăk Bla SĐT 0336189308**				**718,650,290**

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	Diện tích đất thu hồi Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 15: 71,3 m2. - Theo Trích đo thu hồi đất ngày 05/11/2025 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 8/11/2025 do Đơn vị tu vấn cung cấp: Tổng diện tích đo đạc là 465,5 m2. Diện tích đất bị thu hồi 71,3m2; diện tích còn lại 394,2 m2. - Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 833798: số vào sổ cấp GCN CH03817 Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum (cũ) cấp ngày13/5/2019 : diện tích 428,8 m2, trong đó đất ở tại đô thị 70 m2, đất trồng cây hàng năm khác 358,8 m2. **- Nguồn gốc đất:** Theo Báo cáo xác minh số 189/BC-UBND ngày 29/4/2025 của UBND phường Lê Lợi: Ông Phạm Công Trình và bà Phạm Thị Thu Hằng đang sử dụng lô đất có nguồn gốc: Trước đây là của ông A Tưih sử dụng, ông A Tưih một thời gian thì sang nhượng cho ông Phạm Công Trình và bà Phạm Thị Thu Hằng, ông Trình và bà Hằng sử dụng đến ngày 13/5/2019 thì được UBND thành phố Kon Tum cấp Giấy CNQSD đất số CH 03817. Phần diện tích đất ngoài Giấy CNQSD đất không phải là đất công do UBND phường quản lý, từ đó đến nay ông Trình và bà Hằng sử dụng ổn định vào mục đích đất trồng cây hàng năm khác không tranh chấp với ai **- Về tài sản trên đất:** + Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường ĐăkBla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 + Theo Văn bản số 904/UBND-KTHT ngày 16/12/2025 của UBND phường Đăk Bla về việc phối hợp kiểm tra, cung cấp thông tin các hồ sơ vi phạm của các hộ dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 thì không có trường hợp nào được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. + Căn cứ Tờ khai về thời điểm xây dựng tài sản vật kiến trúc Năm 2002 - Ban Quản lý dự án đầu tư Tây Quảng Ngãi					
	- Tổng diện tích đất bị thu hồi (thửa số 18, tờ bản đồ số 15).	m2	71.30			
	+ Diện tích đất ở bị thu hồi (theo đơn đề nghị bồi thường đất ở của gia đình ngày 14/10/2026)	*m2*	*70.00*	*6,766,900*	*100%*	*473,683,000*
	+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác bị thu hồi	*m2*	*1.30*	*73,900*	*100%*	*96,070*
	- Khung trụ sắt, mái tôn, nền láng vữa xi măng 432000+70000 S=((1,8+3,4)*6,3))/2	m2	16.38	502,000	100%	8,222,760
	- Nhà kho kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch, nền lát gạch kích thước ≤500*500 mm khung gỗ mái lợp tôn, trần la phông gỗ S=4,3*4,5m2, cửa bằng sắt. S=(7,4*6)+(2,4*1) =1517000-70000 nền xi măng+190000 nền gạch men+285000 trần gỗ	m2	48.00	1,922,000	100%	92,256,000
	- Nhà ở 1 tầng kết cấu tường chịu lực, tường bao che xây gạch nền lát gạch kích thước ≤500*500 mm, tường sơn nước, cửa đi bằng sắt kéo, cửa sổ bằng sắt kính, tường dày 15 cm , trần tôn, cao trần 4,3m; trần đóng tôn, mái tôn, nhà vệ sinh khép kín. S=4,5*8,8 (3.769.000-50.000 điện nước nổi+(4,3-4,2)/0,1)+18000 cao trần)	m2	39.60	3,428,000	100%	135,748,800
	- Ống nước nhựa fi 90mm dài 8m *(hộ gia đình tự kê khai) (STT 65b, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	md	8.00	108,000	100%	864,000
	- Ống nước nhựa fi 27mm, dài 8m *(hộ gia đình tự kê khai) (STT 196, Phụ lục Thông báo số 221/TB-SXD ngày 18/06/2025 của Sở xây dựng)*	md	8.00	12,600	100%	100,800
	- Gạch ốp chân tường, gạch kích thước ≤500*500mm S=(12,6*0,75)+((0,85+0,95)*5,6)+(0,85*18)	m2	34.83	190,000	100%	6,617,700

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	- Bảng xi nhanh 1 mặt chữ, khung sắt bảng tôn S=4,3*1,2 *(STT 71b, Phụ Lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND Ngày 30/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*	m2	5.16	101,000	100%	521,160
	- Chậu cây cảnh đk ≥40-60cm	chậu	4.00	120,000	100%	480,000
	- Cây sung trồng 10 năm, dk 10cm (tính chất cảnh)	cây	1.00	30,000	100%	30,000
	- Cây sộp (xanh) trồng 10 năm, dk 20cm (tính chất cảnh)	cây	1.00	30,000	100%	30,000
14	**Lê Xuân Thủy** (*CCCD: 044078002888)*	**110 Đồng Nai, Phường Đăk Bla (SĐT 0914157799)**				**1,492,922,881**
	- Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10: Tổng diện tích đo đạc là 1390m2, diện tích đất bị thu hồi 331,4m2. *(theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất được người sử dụng đất ký xác nhận ngày 05/8/2024 và Trích đo địa chính thu hồi ngày 29/10/2025 do Chủ đầu tư cung cấp) .* Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: 00139 QSDĐ/KT, được Ủy ban nhân dân thị xã Kon Tum cấp ngày 13/10/1994, thửa đất số 134 tờ bản đồ số 02 diện tích 1329 m2 (Trong đó 400m2 đất ở và 929m2 đất vườn (tạm giao). - **Về nguồn gốc đất:** Theo xác minh của UBND phường Đăk Bla tại Văn bản số 813/UBND-KTHT ngày 26/11/2025 về việc phối hợp xác minh nguồn gốc đất đối với các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao đường Hồ Chí Minh), cụ thể như sau: + Nguồn gốc hình thành: Thửa đất này trước đây của Đoàn Hải Hưng sử dụng. Đến năm 1990 sang nhượng cho ông Lê Xuân Thuỷ. Từ đó đến nay ông Lê Xuân Thuỷ sử dụng ổn định không tranh chấp. + Tình trạng tranh chấp: Không tranh chấp					
	- Về tài sản trên đất: Theo xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố Kon Tum (cũ) tại Văn bản số 254/QLĐT-TH ngày 06/4/2023 thì không thuộc trường hợp được cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn cũng như các hồ sơ liên quan đến việc xử phạt hành chính. Theo nội dung hộ gia đình tự kê khai về thời điểm tạo lập tài sản tại Tờ khai ngày 06/12/2025 thì các tài sản trong phạm vi thu hồi đất gia đình tạo lập năm 2005. - Căn cứ Văn bản số 801/UBND-TH ngày 24/11/2025 của UBND phường Đăk Bla Về việc thống nhất chủ trương hỗ trợ khác đối với hạng mục: cổng, tường rào, mái hiên ... xây dựng trên đất hằng năm khác (không phải đất ở) theo thẩm quyền, khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671.					
	- Diện tích đất bị ảnh hưởng (Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10)	m²	331.40			
	+ Diện tích đất ở thu hồi (theo ý kiến đề nghị của hộ gia đình)	*m²*	*200.00*	*6,766,900*	*100%*	*1,353,380,000*
	+ Diện tích đất vườn bị thu hồi	*m²*	*131.40*	*221,800*	*100%*	*29,144,520*
	- Hàng rào trụ BTCT 0,1*0,1*1,6 lưới B40 dài (9,3+9,3+7,1+7,6)m (STT 25, Mục IV)	m2	53.28	93,000	100%	4,955,040
	- Hàng rào tường xây gạch, trụ BTCT, không trát vữa xi măng, S=13,5*1 (STT 20, Mục IV - không tô- sơn nước)	m²	13.50	698,000	100%	9,423,000
	- Sân đường bê tông xi măng, mặt đường đá 1x2 dày 20cm: S=9,8*3,5+7,6*14 (STT 54 Mục IV)	m²	140.70	309,000	100%	43,476,300
	- Trụ cổng kết cấu bằng BTCT V=0,35*0,35*2,7 , kết hợp xây gạch, tô xi măng, sơn nước; 2 trụ. (STT 17 mục IV)	m³	0.66	3,014,000	100%	1,993,761
	- Mái cổng kết cấu bằng BTCT, lợp ngói S=3,8*1 (STT 14 Mục IV)	m²	3.80	1,161,000	100%	4,411,800
	- Cánh cổng kết cấu gỗ, thanh bằng gỗ, S=2,6*1,7, gắn lưới mắt cáo S=2,6*0,8 (STT 12, Mục IV).	m²	4.42	463,000	100%	2,046,460

STT	TÊN CHỦ HỘ VÀ NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
	*+ Phần lưới mắt cáo S=2,6*0,8 (Mục IV).*	*m²*	*2.08*	*80,000*	*100%*	*166,400*
	- Tường rào kết cấu trụ BTCT, tường xây gạch, sơn nước. S=7,6*1,2+11,4*1,2. (STT 20 Mục IV)	m2	22.80	1,037,000	100%	23,643,600
	- Hàng rào khung thép, gắn thêm lưới B40: S=7,6*1,2+11,4*1,2 (STT 29 Mục IV + lưới B40)	m²	22.80	292,000	100%	6,657,600
	- Hàng rào trụ xây gạch 0,3*0,3m; cao 1,6m, dài 13,5m. (Mục 21 phần IV - tường xây gạch, không tô-sơn nước)	m2	21.60	413,000	100%	8,920,800
	- Đường ống nhựa ϕ27 dài 9,3+7,6m (STT 196 của Phụ lục kèm theo TB số 221/TB-SXD ngày 18/6/2025 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum)	md	16.90	12,600	100%	212,940
	- Đường ống nhựa Φ90 dài 9,3+7,6m (STT65 của Phụ lục IV))	m	16.90	108,000	100%	1,825,200
	- Hồ xây gạch dày <150mm, giằng tường BTCT, láng vữa xi măng cả thành và đáy, xây theo kiểu dáng tạo hình có chủ đề gắn đá, san hô và phụ kiện. S=1,1*1,15+1,5*1 (Vận dụng STT 63a Mục IV)	m2	2.77	964,000	100%	2,665,460
	Tổng cộng					**10,581,638,329**

TỔ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
NGƯỜI LẬP **TỔ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Nga **Nguyễn Văn Tường**

BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

Đào Thanh Đạt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Hoàng Vũ